

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **160/2018/HS-PT**

Ngày 24 tháng 5 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hương

- Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr

Bà Trần Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Tiệp. Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 105/2018/HSPT ngày 09/4/2018 đối với bị cáo Cao Thái B phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 BLHS năm 1999, do kháng cáo của bị cáo Cao Thái B đối với bản án hình sự sơ thẩm số 59/2018/HSST ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo: Họ và tên: **Cao Thái B**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 02 tháng 01 năm 1997; Tại tỉnh Đắk Nông; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã M, huyện ĐM, tỉnh Đắk Nông; Tôn giáo: Thiên Chúa Giáo; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông Cao Văn H và bà Bạch Thị Tuyết L; có vợ tên Nguyễn Thị Kim H (chưa đăng ký kết hôn) và có 02 con; Tiền án; Tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 22/11/2017 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án còn có 01 bị cáo không có kháng cáo, kháng nghị và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13^h ngày 10/8/2017, Hồ Sỹ Trọng Đ thuê một người đàn ông chạy xe thồ chở đi từ cuối đường A hướng ra đường N, thành phố B. Khi đi ngang qua quán cà phê H2, địa chỉ: 139 đường A, phường T, thành phố B, Đ nhìn thấy phía bên tay phải có 01 chiếc xe mô tô hiệu SH mode màu xanh, biển số 47B1- 587.93, của anh Nguyễn Thanh S, trên xe có sẵn chìa khóa và 01 chiếc mũ B hiểm hiệu Vittel màu đỏ. Quan sát thấy không có người trông coi, Đ liền nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô này. Đi được khoảng 100m thì Đ nói người chạy xe thồ dừng lại, rồi một mình đi bộ quay lại lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô hiệu SH mode, biển số 47B1- 587.93. Sau đó, Đ điều khiển chiếc xe mô tô trên đi đến đoạn đường vành đai thành phố B, thì dừng xe lại và kiểm tra trong cốp xe thấy có: 01 giấy chứng minh nhân dân (bản gốc), 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hiệu SH mode, biển số 47B1- 587.93 (01 bản gốc và 01 bản phô tô), đều ghi tên Nguyễn Thị Thùy L; 01 chiếc ví da màu đen, bên trong có: 09 thẻ B hiểm Y tế ghi tên Nguyễn Thị Thùy L, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị Thanh V, Nguyễn Thanh Tr, 02 thẻ B hành xe mô tô và 02 thẻ ATM do Ngân hàng VB phát hành ghi tên Nguyễn Thanh S và Nguyễn Thị Thùy L; 01 bộ hồ sơ học bạ (phô tô) và 01 giấy chứng nhận B hiểm học sinh, sinh viên đều ghi tên Nguyễn Thanh Tr. Đ cất các giấy tờ này lại vào trong cốp xe mô tô và tiếp tục điều khiển chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được, đi đến nhà Cao Thái B, Đ nhờ B đem chiếc xe mô tô đi bán hoặc cầm cố giúp. B hỏi nguồn gốc của chiếc xe này, thì Đ lấy giấy chứng minh nhân dân và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô (ghi tên Nguyễn Thị Thùy L), cho B xem và nói dối là xe của mẹ Đ. B cầm các giấy tờ trên, rồi điều khiển chiếc xe đi đến phòng trọ của bạn gái B ngủ lại. Sáng ngày hôm sau, do nghi ngờ chiếc xe mô tô Đ nhờ đem đi tiêu thụ có nguồn gốc không hợp pháp, nên B đi về nhà gặp Đ và hỏi "có chắc xe là của người nhà không?", Lúc này, Đ nói với B là chiếc xe mô tô hiệu SH mode, biển số 47B1- 587.93, do Đ mua lại của người khác trộm cắp mà có tại thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, Đ hứa hẹn nếu B bán hoặc cầm được chiếc xe trên thì sẽ cho B tiền. Nghe vậy, B đồng ý giúp Đ mang xe đi tiêu thụ. Sau đó, B điều khiển chiếc xe mô tô hiệu SH mode, biển số 47B1- 587.93, chở Đ đi đến các tiệm cầm đồ trên địa bàn thị trấn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, để cầm cố nhưng không được vì các tiệm cầm đồ yêu cầu phải có giấy chứng minh nhân dân của người mang xe đi cầm. B chở Đ đến trước dãy trọ của bạn gái B thì gặp một người tên Ng (không rõ nhân thân, lai lịch), B hỏi mua của người này 01 giấy chứng minh nhân dân số 241738541 ghi Công an tỉnh Đắk Lắk, cấp ngày 03/11/2015; họ tên Trần Quốc B, sinh ngày 12/3/1998, nhưng không có hình. B chở Đ đi chụp hình và dán vào chứng minh nhân dân mua của Ng. Ngày 14/8/2017, B và Đ cùng đến tiệm cầm đồ 68, địa chỉ: 11B đường N, thị trấn ĐM, tỉnh Đắk Nông, cầm cố chiếc xe mô tô hiệu SH mode, biển số 47B1- 587.93, cho anh Trịnh Minh H là

chủ tiệm lấy số tiền 20.000.000 đồng, Đ chia cho B 2.000.000 đồng, còn lại Đ đã tiêu xài cá nhân hết. B sử dụng số tiền được chia trả tiền mua chứng minh nhân cho Ng hết 500.000 đồng, còn lại B đã tiêu xài cá nhân hết. Khi cầm cố chiếc xe mô tô biển số 47B1- 587.93, Đ đưa cho anh H 01 giấy chứng minh nhân dân (bản gốc), 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 47B1- 587.93 (bản gốc), đều ghi tên Nguyễn Thị Thùy L cùng chứng minh nhân dân ghi tên Trần Quốc B và anh H viết 01 giấy biên nhận thể hiện thời gian cầm cố xe là từ ngày 14/8/2017 đến ngày 14/9/2017. Đến ngày 04/10/2017, anh H bán lại chiếc xe mô tô hiệu SH mode, biển số 47B1- 587.93, cho anh Huỳnh Văn H, lấy số tiền 39.000.000 đồng. Cùng ngày anh Huỳnh Văn H bán lại chiếc xe trên cho anh Mai Xuân H, lấy số tiền 41.500.000 đồng. Anh Mai Xuân H đem xe về sơn sửa lại và bán cho chị Phạm Thị Nh, lấy số tiền 46.000.000 đồng. Sau khi biết được chiếc xe mô tô hiệu SH mode, biển số 47B1- 587.93, là tài sản do người khác trộm cắp mà có, chị Nh đã tự nguyện giao nộp chiếc xe này cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để xử lý.

Tại bản Kết luận định giá tài sản, số: 18/KLĐG ngày 19/01/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 chiếc chiếc xe mô tô hiệu Honda loại SH mode, màu xanh, biển số 47B1- 587.93 trị giá: 31.800.000 đồng (*Ba mươi một triệu tám trăm ngàn đồng*).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 59/2018/HSST ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 250; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

Tuyên bố: Bị cáo Cao Thái B phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt: Cao Thái B: 01(một) năm 03(ba) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù: Tính từ ngày bắt tạm giam ngày 22/11/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với bị cáo Hồ Sỹ Trọng Đ, tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/3/2018, bị cáo Cao Thái B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo Cao Thái B và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 BLHS năm 1999 là có căn cứ. Mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất,

mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Do vậy, đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì về tội danh, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ pháp lý để kết luận vì mục đích tư lợi cá nhân, mặc dù biết rõ chiếc xe máy mà Hồ Sỹ Trọng Đ nhờ mang đi tiêu thụ là do Hồ Sỹ Trọng Đ phạm tội mà có nhưng bị cáo vẫn giúp Hồ Sỹ Trọng Đ mang xe đi cầm cố lấy tiền chia nhau tiêu xài. Giá trị chiếc xe mà bị cáo mang đi tiêu thụ trị giá 31.800.000đ. Do đó, Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 là hoàn toàn có căn cứ, đảm B đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, HĐXX xét thấy: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi và nhận thức, bị cáo phải biết được tài sản của công dân được pháp luật B vệ, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, bị cáo đã tích cực thực hiện hành vi phạm tội. Mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt.

[3] Về án phí : Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Cao Thái B. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2018/HS-ST ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về hình phạt.

Căn cứ khoản 1 Điều 250; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Cao Thái B 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 22/11/2017.

[2] Về án phí: Bị cáo Cao Thái B phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tp Buôn Buôn Ma Thuột ;
- Công an thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố B;
- T.H.A hình sự Công an thành phố B;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hương